TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01-11-2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn NC, xã QT, huyện TL , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Đình T1; nơi cư trú: Thôn D, xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Trần Đình T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng vào ngày 17-5-2011. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu

thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 7/2014 chị đã đưa con về gia đình ở Thôn NC, xã QT, huyện TL, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình T1.

Về con chung: Chị và anh Trần Đình T1 có 01 con chung là Trần Thị TN sinh ngày 07-5-2012. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị xin tự giải quyết với anh T1 .

Về tài sản: Chị xin tự giải quyết với anh Trần Đình T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đình T1 hiện nay cư trú tại Thôn D, xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng. Anh T1 đã được thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh T1 không nộp bản tự khai và các tài liệu chứng cứ mà không có lý do, anh T1 không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, xác minh nơi cư trú của anh Trần Đình T1, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 qua chính quyền địa phương xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng, qua người làm chứng thì được biết: Chị T và anh T1 xây dựng gia đình tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng vào ngày 17-5-2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được thời gian đầu và có 01 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 do không hợp tính nhau. Từ tháng 7/2014 đến nay, chị T đã đưa con về gia đình ở Thôn NC, xã QT, huyện TL, thành phố Hải Phòng sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Về con chung: Anh T1 và chị T có 01 con chung Trần Thị TN sinh ngày 07-5-2012, hiện đang ở với chị T. Về tài sản: địa phương và người làm chứng đều không nắm được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá T1 giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn chấp hành

yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa; bị đơn không nộp bản tự khai, không khai báo, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trần Đình T1. Về con chung: Giao con chung Trần Thị TN sinh ngày 07-5-2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị T tự giải quyết với anh T1 nên không xem xét giải quyết. Về tài sản: Chị T xin tự giải quyết với anh T1 về tài sản nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Trần Đình T1 có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại Thôn D, xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Đình T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Anh Trần Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Đình T1.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trần Đình T1 kết hôn ngày 17-5-2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận thời đầu và có một con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã xảy ra những bất hòa. Từ tháng 7/2014 chị T đã đưa con về gia đình ở Thôn NC, xã QT, huyện TL, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng chị T , anh T1 sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Quá T1 giải quyết vụ án anh T1 không khai báo, không tham

gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị Bùi Thị T xin ly hôn với anh Trần Đình T1 phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Trần Đình T1 có một con chung là Trần Thị TN sinh ngày 07-5-2012. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu, đề nghị nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị T và anh T1 thì thấy: Chị T có nơi ở và thu nhập ổn định, vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị T , giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T xin tự giải quyết với anh T1 nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Bùi Thị T xin tự giải quyết với anh Trần Đình T1, không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trần Đình T1.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị TN sinh ngày 07-5-2012 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T tự giải quyết với anh T1 nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Bùi Thị T tự giải quyết với anh Trần Đình T1, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001062 ngày 18-6-2018. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã TD huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền